

Bản án số: 61/2023/HS-PT  
Ngày: 09-8-2023

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nga

*Các thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Thư  
Bà Lê Hồng Hạnh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Minh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên Tòa:**  
Ông Hà Văn Chuyên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 31 tháng 7 và ngày 09 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 52/TLPT-HS ngày 01 tháng 6 năm 2023 đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1, Lâm Minh Đ.

Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 47/2023/HS-ST ngày 18/4/2023 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Phước.

*Các bị cáo có kháng cáo:*

**1. NGUYỄN VĂN TÙNG**, sinh ngày 17/10/1988 tại tỉnh Trà Vinh; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký HKTT: Ấp L, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh; Nơi ở hiện nay: Tổ B, khu phố C, phường M, thị xã C, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1967; Bị cáo có vợ là Ngô Thị Thu T2, sinh năm 1994, có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06/01/2023 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**2. NGUYỄN VĂN TÂM**, sinh ngày 15/5/1991 tại tỉnh Đồng Tháp; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký HKTT: Ấp V, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước; Nơi ở hiện nay: Tổ A, khu phố A, phường M, thị xã C, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn

giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1970; Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Mỹ P, sinh năm 1994; Có 01 con sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06/01/2023 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**3. LÂM MINH ĐỨC**, sinh ngày 11/5/1998 tại tỉnh Trà Vinh; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký HKTT: Ấp Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh; Nơi ở hiện nay: Tổ B, khu phố C, phường M, thị xã C, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 05/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lâm Minh T4, sinh năm 1972 và bà Lý Hồng Đ1, sinh năm 1978; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06/01/2023 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T, Lâm Minh Đ, Nguyễn Văn T1 quen biết với nhau, cùng làm công nhân tại Công ty trách nhiệm hữu hạn L - Khu Công nghiệp M, thuộc khu phố C, phường M, thị xã C, tỉnh Bình Phước (sau đây viết gọn là Công ty L) thuê phòng ở trọ tại phường M, thị xã C, tỉnh Bình Phước. Do không có tiền tiêu xài nên ngày 25 tháng 12 năm 2022, tại phòng trọ số A của Đ tại nhà T thuộc khu phố C, phường M, thị xã C, T, T1 và Đ thống nhất đến 19 giờ cùng ngày sẽ đi trộm nguyên liệu sản xuất hạt nhựa là bột TIPURE RUTILE TITANIUM DIOXIDE R103 (sau đây viết gọn là nguyên liệu) của Công ty L bán lấy tiền chia nhau sử dụng vào mục đích cá nhân.

T sử dụng số điện thoại 0373.419.752 đăng nhập vào ứng dụng Zalo tên “Tùng Tùng N2” trên điện thoại di động để tìm người có nhu cầu mua nguyên liệu và xe ô tô tải chở thuê. T có được số điện thoại của người mua nguyên liệu là anh Ngô Văn P1 tại số nhà E, ấp G, xã L, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh. Anh P1 đồng ý mua 17.000 đồng/kg, T đồng ý. Sau đó, T tiếp tục tìm được số điện thoại của người chở thuê là ông Nguyễn Văn Đ2 ở tổ A, khu phố C, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương. T đưa số điện thoại của ông Đ2 cho T1 liên hệ thuê xe ô tô. Ông Đ2 đồng ý chở thuê với số tiền 2.500.000 đồng/chuyến. T1 đồng ý, hẹn giờ và chỉ nơi cho Đ2 đến chở nguyên liệu.

Vào khoảng 19 giờ cùng ngày, T1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, loại Smash, màu đỏ đen, biển kiểm soát: 59H1-129.30 đến phòng trọ của Đ. Sau đó, T1 chở T đi vào phía sau tường rào của Công ty L quan sát. T1 xuống xe ngồi đợi, cảnh giới gần Công ty L. T chạy xe mô tô của T1 về để lại tại phòng

trợ của Đ, rồi dùng xe mô tô hiệu Honda, loại Wave anpha, màu đen (không rõ biển số, không có giấy chứng nhận chủ sở hữu) chở Đ đi đến chỗ T1 đang chờ để bàn cách vào Công ty L lấy trộm nguyên liệu. Đến khoảng 22 giờ, T leo rào vào Công ty L trước kiểm tra, canh chừng bảo vệ và mở cửa nhà kho, còn T1, Đ dùng thanh gỗ cạy, bẻ cây sắt ở hàng rào thuận tiện cho việc vận chuyển nguyên liệu. Sau đó, T, T1, Đ gặp nhau ở trong nhà kho rồi cùng đi qua các xưởng B11, B10, B09 đến xưởng B07 là kho chứa nguyên liệu. T đứng tại lối đi giữa hai nhà vệ sinh xưởng B07 để giám sát, canh chừng bảo vệ, T1 và Đ dùng cây tre đẩy camera giám sát tại lối đi vào xưởng B07 sang hướng khác nhằm tránh bị phát hiện. Sau đó, tất cả đi vào xưởng lấy trộm 40 bao nguyên liệu đem ra ngoài. Lúc này, ông Đ2 đã điều khiển xe ô tô đến chờ bên ngoài tường rào của Công ty L. T đứng canh giới còn T1 và Đ bốc các bao nguyên liệu lên xe ô tô. Chết xong 40 bao nguyên liệu lên xe ô tô, T đưa số điện thoại của anh P1 để ông Đ2 liên hệ. Sau đó, tất cả vào kho tiếp tục lấy trộm 27 bao nguyên liệu đem ra ngoài, khi đến đoạn đường sát bờ tường của Công ty L thì bị bảo vệ phát hiện nên chui qua tường rào trốn thoát.

Đối với ông Đ2, khi chở 40 bao nguyên liệu đến gặp P1, P1 gọi điện thoại cho T và đồng ý mua 40 bao nguyên liệu với số tiền 47.000.000 đồng. T bảo P1 trả 2.500.000 đồng cho ông Đ3, còn lại 44.500.000 đồng thì P1 chuyển vào tài khoản của T. Sau khi có tiền, T lấy 16.500.000 đồng, còn lại chia cho T1, Đ mỗi người 14.000.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 01/KLĐG-HĐĐGTS ngày 05 tháng 01 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thị xã C xác định trị giá 67 bao nguyên liệu sản xuất hạt nhựa là bột TIPURE RUTILE TITANIUM DIOXIDE R103 của Công ty L tại thời điểm bị chiếm đoạt là 154.369.508 đồng.

*Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 47/2023/HS-ST ngày 18/4/2023 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Phước đã tuyên xử:*

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1, Lâm Minh Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 03 (ba) năm tù, thời hạn tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ, từ ngày 28/12/2022 đến ngày 05/01/2023.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ, từ ngày 28/12/2022 đến ngày 05/01/2023.

Xử phạt bị cáo Lâm Minh Đ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ, từ ngày 29/12/2022 đến ngày 05/01/2023.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/4/2023 các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1 và Lâm Minh Đ có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Bản án sơ thẩm xác định và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu kháng cáo cho các bị cáo.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1, Lâm Minh Đ; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 47/2023/HS-ST ngày 18/4/2023 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Phước.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1 và Lâm Minh Đ được thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như Bản án sơ thẩm đã nêu, cụ thể:

Do không có tiền tiêu xài nên Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1, Lâm Minh Đ đã bàn bạc để cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của Công ty L. Ngày 25/12/2022, T, T1 và Đ đã lén lút đột nhập vào Công ty L lấy trộm tổng cộng 67 bao nguyên liệu sản xuất hạt nhựa có giá trị 154.369.508 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1 và Lâm Minh Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a, c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1, Lâm Minh Đ Hội đồng xét xử nhận định:

Đối với bị cáo T và Đ, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ như: Các bị cáo bồi thường khắc phục hậu quả, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và xử phạt bị cáo T 03 (Ba) năm tù, xử phạt bị cáo Đ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù là phù hợp với tính chất mức độ hành vi bị cáo gây ra. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T cung cấp tài liệu thể hiện gia đình bị cáo có công với cách mạng, bị cáo Đ có xác nhận hoàn cảnh khó khăn đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, do bị cáo Tùng là người có vai trò chỉ huy, phân công các bị cáo T1, Đ trong việc thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Đ là người khởi xướng. Sau khi cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt các bị cáo với mức án như trên là tương xứng với vai trò, hành vi của các bị cáo thực hiện. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo T và bị cáo Đ.

Đối với bị cáo T1, cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: bị cáo bồi thường khắc phục hậu quả, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xét thấy vai trò của bị cáo trong vụ án chỉ là người thực hành với sự chỉ huy, phân công, khởi xướng của các bị cáo T và Đ. Ngoài các tình tiết giảm nhẹ mà Tòa sơ thẩm đã áp dụng, bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, ngoài lần phạm tội này bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Xét bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo mà không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội, bị cáo không vi phạm quy định tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo. Do đó, cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo T1.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần.

[6] Án phí hình sự phúc thẩm: Kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T và Lâm Minh Đ không được chấp nhận nên các bị cáo T, Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T1 được chấp nhận nên bị cáo T1 không phải chịu.

[7] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của các bị cáo Nguyễn Văn T và Lâm Minh Đ.

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Chấp nhận một phần kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Văn T1.

Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 47/2022/HS-ST ngày 18/4/2023 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Phước về phần hình phạt đối với bị cáo T1:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1 và Lâm Minh Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; các Điều 17; 38; 50, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 03 (ba) năm tù, thời hạn tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/12/2022 đến ngày 06/01/2023.

Xử phạt bị cáo Lâm Minh Đ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/12/2022 đến ngày 06/01/2023.

Áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17; 50, 58, 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, Thời gian thử thách là 05 năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (09/8/2023).

Giao bị cáo T1 cho Ủy ban nhân dân phường M, thị xã C, tỉnh Bình Phước giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

*Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.*

*Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.*

Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Nguyễn Văn T và Lâm Minh Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng. Bị cáo Nguyễn Văn T1 không phải chịu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

***Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.***

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- PV 06 CA tỉnh Bình Phước;
- Sở Tư pháp;
- TAND, VKSND thị xã C;
- Chi cục THADS thị xã C;
- Cơ quan CSĐT CA thị xã C;
- Cơ quan THAHS thị xã C;
- Bị cáo;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Tổ nghiệp vụ; Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Nga**

